

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025, trường THCS Hưng Đạo báo cáo thường niên năm 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS Hưng Đạo.

2. Địa chỉ: phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng; địa chỉ thư điện tử:
<http://thcshungdao.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình trường: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường:

- Sứ mạng: Đem tri thức tới HS địa phương Hưng Đạo, giúp cho trình độ dân trí nâng cao, cuộc sống trở nên văn minh, tốt đẹp và hạnh phúc hơn

- Tầm nhìn “Xây dựng một cộng đồng học tập hạnh phúc, có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh. Là một trong những trường có chất lượng giáo dục toàn diện cao trong quận; được cha mẹ học sinh tin lựa chọn để gửi gắm con em học tập rèn luyện; nơi đội ngũ CBGVNV luôn có khát vọng vươn lên”.

- Mục tiêu: Phấn đấu xây dựng trường chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo dục toàn diện được ổn định và nâng cao. Thương hiệu nhà trường được khẳng định. Là một trong trường có chất lượng top đầu của quận..

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên thông qua các hoạt động đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục THCS. Nhà trường không ngừng sáng tạo nhằm mang niềm vui cho học sinh đến trường. Giúp học sinh có nền tảng giáo dục toàn diện, năng động, sáng tạo, hợp tác, vui vẻ nhằm chuẩn bị cho học sinh trở thành những công dân toàn cầu trong tương lai.

- Quá trình thành lập và phát triển:

Trường THCS Hưng Đạo tiền thân là trường THCS Hưng Đạo huyện Kiến Thụy Thành phố Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của UBND thành phố Hải Phòng. Trải qua 65 năm xây

dựng và phát triển trường hiện có tổng đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên là 41 người với hơn 900 học sinh với 16 phòng học kiên cố Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích trong công tác chuyên môn, giáo dục học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ tên: Ngô Thị Phương Thảo - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: phường Hưng Đạo, Phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng;

Số điện thoại: 0363080772; Địa chỉ thư điện tử: thao7274@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập: trường được thành lập theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Phường Hưng Đạo về trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo.

c. Quyết định điều động bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

- QĐ số 200/QĐ-UBND ngày 12/08/2025 về việc bổ nhiệm CBQL Ngô Thị Phương Thảo

- QĐ số 865/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 về việc bổ nhiệm CBQL Trần Văn Hiệu

- QĐ số 207/QĐ-UBND ngày 12/08/2025 về việc bổ nhiệm CBQL Trần Văn Phương

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã Ban hành Quy chế làm việc của trường THCS Hưng Đạo

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

+ Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS và cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

+ Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

- + Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.
- + Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.
 - Thực hiện kiểm định, tự đánh giá chất lượng giáo dục THCS
 - Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ hàng năm
 - Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục THCS
 - Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.
 - Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
- + Quyền hạn của cơ sở giáo dục THCS: quyền tự chủ trong khuôn khổ pháp luật, nhà trường có quyền tự quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của mình như: xây dựng kế hoạch giáo dục, tuyển dụng giáo viên, quản lý tài chính... Quyền hợp tác: nhà trường có quyền hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng giáo dục; quyền kiến nghị: nhà trường có quyền kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến hoạt động của mình.
 - Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: Cán bộ quản lý gồm 1 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.
 - Tổ chức bộ máy nhân sự gồm các tổ KHTN, KHXX, Tổ Văn phòng
 - Thành lập các hội đồng: Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật và hội đồng tư vấn.
 - Tổ chức chính trị - xã hội: Chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên.
- đ. Quyết định thành lập, sáp nhập chia tách trường : Theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của UBND thành phố Hải Phòng; Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Phường Hưng Đạo về trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo
- e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:
 - Họ tên: Ngô Thị Phương Thảo - Chức vụ: Hiệu trưởng
 - Địa chỉ nơi làm việc: phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng;
 - Số điện thoại: 0363080772; Địa chỉ thư điện tử: thao7274@gmail.com
 - Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm trước Ủy ban

nhân dân phường Hưng Đạo, Phòng Văn hóa xã hội phường Hưng Đạo, Đảng bộ, Chi bộ về toàn bộ hoạt động của trường; Điều hành mọi hoạt động của nhà trường: xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyên môn giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng.

Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành cảnh cáo, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định.

Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường;

Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động chuyên môn giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, quyết định khen thưởng, kỷ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại. Tổ chức kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục THCS .

Lên kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường. Tham mưu các cấp về việc xây dựng cơ bản nhà trường.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức các cuộc họp theo kế hoạch, họp đột xuất nếu có việc cần giải quyết, chăm lo đời sống CBGVNV, lên kế hoạch dự giờ .

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã tham mưu và xây dựng đầy đủ các văn bản: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác theo quy định, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục hàng năm.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Tổng số 43 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03 người

+ Giáo viên: 38 người (BC:33 - HD: 05)

+ Nhân viên kế toán: 01 người

+ Nhân viên văn thư: 01 người

Trong đó: + Biên chế: 38 người

+ HĐLĐ giáo viên: 05 người

- Trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	43	04	39			
I	Giáo viên	38	03	35			
II	Cán bộ quản lý	3	1	2			
1	Hiệu trưởng	1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1			
III	Nhân viên	2		2			
1	Nhân viên văn thư	1		1			
2	Nhân viên kế toán	1		1			
3	Thù quỹ						
4	Nhân viên y tế						
5	Nhân viên khác:						

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

- Tổng số cán bộ giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp: 41 đ/c xếp loại tốt là 41 đ/c đạt tỉ lệ 100%; xếp loại khá: 0. đạt tỉ lệ...%; xếp loại đạt: 0.

- Đối chiếu với năm học 2023-2024: Tăng thêm 4 đồng chí giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp xếp loại tốt.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên được bồi dưỡng hàng năm là 43 đ/c, trong đó CBQL: 03 đ/c, Giáo viên: 38 đ/c, nhân viên: 02 đ/c đồng chí đều hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định đạt 100%.

- Duy trì 100% các đ/c cán bộ giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất: Được sang khu trường mới

- Diện tích khu đất xây trường: 9079 m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh em: 10 m²/1 học sinh.
- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đảm bảo trên 7.1m² /học sinh: Đảm bảo

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chuyên môn và giáo dục học sinh em; khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đầy đủ các phòng ban hành chính theo yêu cầu: chưa có các phòng học bộ môn, nhà đa năng

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định : Đảm bảo

d) Số lượng một số thiết bị và điều kiện phục vụ chuyên môn: Đảm bảo

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	33	46hs/phòng
II	Loại phòng học	Kiên cố	
III	Tổng diện tích sân chơi (m²)	300	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (kết hợp làm phòng ngủ)	0	
2	Diện tích phòng vệ sinh	230	
3	Diện tích sân chơi		
4	Diện tích nhà bếp và kho		
5	Diện tích phòng hành chính	6	
6	Tổng diện tích phòng BGH	180	
7	Diện tích phòng y tế	12	
8	Diện tích phòng Hội trường	120	
9	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật	0	
10	Diện tích phòng giáo dục thể chất	0	
11	Diện tích phòng Tin học + Ngoại ngữ	0	
12	Diện tích phòng nhân viên	50	
V	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	18	
1	Máy vi tính	6	

2	Máy in	6	
3	Máy chiếu	0	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá :Chưa thực hiện

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; Chưa thực hiện

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện chuyên môn giáo dục học sinh em của năm học 2024 - 2025:

1.1. Chất lượng giáo dục:

Chất lượng xếp loại 2 mặt giáo dục :

Khối/ lớp	TS HS	Kết quả rèn luyện							Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	Tốt		Khá		Đạt		CD	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		
6	252	248	98.41	4	1.59					95	37.7	110	43.65	47	18.65	
7	284	277	97.54	7	2.46					111	39.08	116	40.85	57	20.07	
8	240	239	99,58	1	0.42					94	39.17	125	52.08	21	8.75	
9	214	214	100							99	46.26	85	39.72	30	14.02	
TS	990	978	98,79	12	1,21					399	40,3	436	44,04	155	15,66	

1.2. Kết quả xét lên lớp và tốt nghiệp THCS :

- Kết quả xét lên lớp thẳng: 990 em đạt 100%
- Rèn luyện lại: 0
- Kết quả xét TN THCS: Đối với học sinh lớp 9: Có 214 em trong đó 119 em nam; 95 em nữ; Tỷ lệ xét Tốt nghiệp THCS: Đạt 100%; Trong đó có: 146 em dự thi vào THPT, 68 em ko tham gia thi vào 10 THPT.

1.3. Kết quả dự thi HSG:

a) Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học

- **Cấp quận:** nhà trường có 04 dự án tham gia dự thi. Kết quả: 03 dự án đạt giải KK.

b) Kỳ thi HSG môn Toán và KHTN bằng Tiếng Anh:

- **Cấp quận:**

+ *Môn Toán 8 bằng tiếng Anh:* Trong năm học 2024-2025, có 8 học sinh dự thi giải Toán 8 bằng tiếng Anh. Kết quả: có 02 giải gồm 01 giải Ba và 01 giải KK;

+ *Môn KHTN lớp 9 bằng tiếng Anh:* có 5 học sinh dự thi giải KHTN 9 bằng Tiếng Anh. Kết quả: 01 Ba.

- **Cấp Thành phố:** Không

c) Kỳ thi HSG các môn văn hóa lớp 6,7,8,9:

- **Cấp Quận:** 62 giải trong đó gồm:

+) Giải Nhất: 04 +) Giải Nhì: 14 giải; +) Giải Ba: 15 giải; +) Giải KK: 29 giải

Cụ thể: Học sinh học lớp 9 đạt: 17 giải cấp Quận trong đó có 3 giải nhất, 4 giải nhì, 2 giải ba, và 8 giải KK; Giao lưu học sinh học giỏi lớp 6,7,8 đạt 45 giải trong đó có 1 giải nhất, 10 giải nhì, 13 giải ba và 21 giải khuyến khích.

- **Cấp Thành phố:** 02 giải gồm 01 giải KK môn GDCD; 01 giải KK môn Công nghệ.

d) Kỳ thi khác:

- Thi thuyết trình tiếng Anh cấp Quận đạt 1 giải nhất, 1 giải ba, 1 giải khuyến khích.

- Thi Viết thư quốc tế UPU, Thi viết sáng bảo đảm trật tự trường học đạt giải khuyến khích cấp thành phố...

- Có 02 Học sinh tham gia cuộc thi Sơn Ca cấp Quận đạt 1 giải Nhất và 1 giải nhì. Có 1 Học sinh đạt giải Ba chương trình ‘Thiếu nhi dẫn chương trình’ năm 2024 cấp thành phố; 01 giải ba cuộc thi Sơn Ca thành phố.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí; loại hoạt động.

b) Các khoản chi phân theo: chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...);

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...);

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động

phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2025:

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ	Đơn vị tính: đồng	
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
2.1	Học thêm, dạy thêm (thu hết tháng 01/25 thực hiện theo thông tư 29)		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	33.855.984	
2.1.2	Mức thu 12.000/ tiết		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	786.144.0000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	819.999.984	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	819.999.984	
2.1.6	Số chi trong năm	819.999.984	
	Trong đó:		
	- Chi giáo viên giảng dạy+ Quản lý chi đạo	654.579.953	
	- Chi CSVC	73.929.151	
	- Chi phúc lợi	75.940.000	
	- Chi nộp thuế 2%	15.722.880	
2.1.7	Số dư cuối năm	0	
2.2	Nước uống		
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.2.2	Mức thu 10.000đ/tháng		
2.2.3	Tổng số thu trong năm	88.250.000	
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	88.250.000	
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	88.250.000	

2.2.6	Số chi trong năm	88.250.000	
	Trong đó: - Chi mua nước	88.250.000	
2.2.7	Số dư cuối năm	0	
2.3	Liên kết Stem		
2.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.3.2	Mức thu :80.000/tháng		
2.3.3	Tổng số thu trong năm	172.880.000	
2.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
2.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	172.880.000	
2.3.6	Số chi trong năm	165.371.640	
	Trong đó: - Chuyển học phí và học liệu	144.009.040	
	- Chi công tác quản lý	12.705.000	
	-Thuế	3.457.600	
	CSVC	5.200.000	
2.3.7	Số dư cuối năm	7.508.360	
2.4	Liên kết KNS		
2.4.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.4.2	Mức thu :50.000/tháng		
2.4.3	Tổng số thu trong năm	108.050.000	
2.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	108.050.000	
2.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	108.050.000	
2.4.6	Số chi trong năm	99.846.400	
	Trong đó: - Chuyển học phí và học liệu	84.710.400	
	- Chi công tác quản lý	10.575.000	
	-Thuế	2.161.000	
	CSVC	2.400.000	
2.4.7	Số dư cuối năm	8.203.600	
2.5	Trông xe học sinh		

2.5.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.5.2	Mức thu :30.000/tháng xe đạp; 50.000/tháng xe đạp điện		
2.5.3	Tổng số thu trong năm	238.320.000	
2.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	238.320.000	
2.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	238.320.000	
2.4.6	Số chi trong năm	208.302.200	
	Trong đó:		
	- Chuyển trông xe	134.100.000	
	- Chi công tác quản lý	21.185.200	
	-Thuế	23.832.000	
	CSVC	29.185.000	
2.5.7	Số dư cuối năm	30.017.800	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	9.211.174.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm	9.211.174.000	
	Trong đó:		
	+ Dự toán giao đầu năm	7.981.141.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1.230.033.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên nguồn khen thưởng 18	464.724.000	

	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm	464.724.000	
	Trong đó:	464.724.000	
	+ Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	1.225.424.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		0
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó:	1.225.424.000	
	+ Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		0
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		0
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		0
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		0
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		0
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		

1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	320.000.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	300.000.000	
2	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	280.000.000	
	Mức thu nhập của giáo viên	130.000.000	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	260.000.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	80.000.000	

3. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo đúng quy định.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho học sinh.

100% các lớp học thực hiện nghiêm túc các giờ học ngoài giờ lên lớp, các đ/c giáo viên chủ nhiệm đều có đủ kế hoạch giảng dạy - đổi mới phương pháp dạy học thông qua các hoạt động ngoại khoá, tập thể làm cho học sinh hào hứng tham gia đạt hiệu quả cao.

Công tác tổ chức từ thiện nhân đạo được quan tâm qua đó giáo dục được các em tinh thần “*Tương thân, tương ái*”, “*Uống nước nhớ nguồn*”. Thực hiện chương trình thấp sáng ước mơ cho em, hỗ trợ HS nghèo vượt khó vươn lên trong học tập. Phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể tặng quà cho các em học sinh không may gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho học sinh nhân dịp khai giảng năm học mới, nhân dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên Đán, ủng hộ các bạn học sinh khó khăn, gia đình chính sách của địa phương; học sinh nghèo vượt khó.

Triển khai đến các GVCN việc quán triệt tuyên truyền cho HS trong các giờ HĐNGLL các nội dung thiết thực bổ ích như chống xâm hại và bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích và sơ cấp cứu ban đầu đặc biệt phòng chống tai nạn giao thông, đuối nước, thông qua đó tăng cường kỹ năng, nghiệp vụ cho GV và HS.

Công tác y tế học đường: Thực hiện luật BHYT, nhà trường đã tích cực tuyên truyền vận động học sinh tham gia BH mức đóng theo qui định của nhà nước. Công tác phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh được chú ý quan tâm, đặc biệt việc vệ sinh cá nhân thân thể HS được nhà trường và các thầy cô nhắc nhở thường xuyên, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong thời gian vừa qua.

2. Thực hiện chuyên đề

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh áp dụng Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ Văn ở trường phổ thông, Công văn số 824/GDĐT-TrH ngày 10/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo V/v Hướng dẫn chuyên môn một số môn học năm học 2024-2025. Đối với các môn học như: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, kết quả học tập sẽ được đánh giá bằng nhận xét 2 mức là Đạt và Chưa đạt. Những môn học còn lại sẽ được đánh giá kết hợp giữa nhận xét và cho điểm. Kết quả học tập sẽ được cho điểm bằng thang điểm 10.

- Đánh giá bằng hình thức nhận xét, giáo viên dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; Nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện. Học sinh có thể dùng lời nói hoặc viết để tự nhận xét về học tập, rèn luyện và sự tiến bộ, hạn chế của cá nhân.

- Đánh giá bằng điểm số, giáo viên dùng điểm đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với các môn học. Đặc biệt, đối với đánh giá thường xuyên, giáo viên cho điểm, nhận xét thông qua hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập. Mỗi môn học, mỗi học sinh được đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra để ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh theo lớp.

- Cuối năm học, hiệu trưởng tặng danh hiệu “*Học sinh Xuất sắc*” đối với học sinh có kết quả rèn luyện năm học được đánh giá ở mức Tốt; kết quả học tập 6 môn học trở lên điểm cả năm đạt 9.0 trở lên; Khen “*Học sinh giỏi*” cho học sinh có kết quả học tập cả năm đánh giá mức Tốt; Khen học sinh có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập trong năm học; Khen học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường đề nghị cấp trên khen thưởng.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Đối với Chương trình GDPT 2018, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng tiếp cận năng lực cần chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Đây là điểm mới nhưng cũng là một khó khăn đối với học sinh, đặc biệt đối với bộ môn như Ngữ văn. Ngày 21 tháng 7 năm 2022, Bộ GD&ĐT ra Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH, yêu cầu các nhà trường đánh giá kết quả học tập cuối năm, cuối kỳ không dùng các văn bản đã học trong SGK làm ngữ liệu để đánh giá chính xác năng lực học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn. Thực hiện yêu cầu trên, bước đầu học sinh gặp nhiều bỡ ngỡ, tạo ra không ít tâm lý hoang mang, lo lắng không chỉ học sinh mà còn đối với cả các bậc phụ huynh học sinh do chưa quen với cách đánh giá này. Từ đó, giáo viên cũng đã phải điều chỉnh cách dạy, học sinh điều chỉnh cách học sao cho phù hợp và đáp ứng với mục tiêu của Chương trình GDPT 2018.

Nhà trường luôn chú trọng và tăng cường tổ chức thực hiện tốt các phong trào bề nổi thông qua đó giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh như tổ chức tốt ngày hội khai giảng năm học mới, tổ chức liên hoan văn nghệ chào mừng ngày

20-11, tham gia Đại hội TDĐT của phường...., tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tuyên truyền giáo dục về lịch sử, văn hoá truyền thống cách mạng của dân tộc, địa phương, tham gia cuộc thi vẽ tranh, thi an toàn giao thông, thi Việt dã, Cờ vua, Sơn ca.. Tổ chức chuyên đề Đội **“Tuổi trẻ học tập và làm theo Bác”** cấp Quận được Quận đoàn xếp loại xuất sắc.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đẩy mạnh công tác truyền thông về GDTHCS

Toàn trường đã có ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị dạy học trong đổi mới dạy học và đổi mới công tác quản lý một cách triệt để, các lớp được trang bị các trang thiết bị phù hợp để ứng dụng CNTT hiệu quả, nhiều cá nhân GV đã tự sắm máy tính cá nhân để nâng cao trình độ Tin học, nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Hiện nay theo sự chỉ đạo, triển khai của các cấp, trong nhà trường đã sử dụng rất nhiều các phần mềm ứng dụng, các trang, bảng tính phù hợp để phục vụ công tác dạy học, thống kê, quản lý chung...như phần mềm phổ cập, QLHSCM; phần mềm CSDL ngành, phần mềm tuyển sinh, chữ ký số, số hoá các văn bản tài liệu...v.v.

100% các CBGV đã ký số các tài liệu lưu trữ như KH giáo dục, KH bài dạy, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, tương tự với BGH có thêm đóng dấu điện tử.

Qua việc ứng dụng của GV, của các bộ phận quản lý phần việc cũng như các tài liệu được xử lý nhanh hơn, gọn hơn, các hồ sơ lưu trữ đẹp và chính xác.

3. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

Trong năm học qua vừa qua, nhà trường đã luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng đội ngũ, BD tư tưởng nhận thức, bồi dưỡng lòng yêu nghề, và tinh thần khắc phục khó khăn, trách nhiệm trước công việc được giao cho giáo viên; Tích cực động viên, cử chọn và tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, chú trọng việc xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên

4. Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua.

Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm và thực hiện đều đặn đảm bảo đúng quy định có tác dụng thúc đẩy tốt.

Hội đồng thi đua đã họp xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu thi đua cấp trường:

Hội đồng thi đua đã họp xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận các danh hiệu thi đua cấp trường. Tiếp tục lập hồ sơ đề nghị công nhận thi đua cấp quận.

Đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng cấp quận công nhận:

* Tập thể :

- Nhà trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

* Cá nhân:

- Đề nghị 05 đ/c được đề nghị công nhận là CSTĐ cơ sở;

- 43 đ/c được đề nghị công nhận lao động tiên tiến

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường THCS Hưng Đạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH (báo cáo);

- Lưu: VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Phương Thảo

